

Bản án số: 21 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 7 - 2019
(V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng giữa anh H và chị C)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đán Văn Đ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nông Thị T**

2. Bà: **Trần Thị L**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Điền** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Vương Thị C** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “ không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1153/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phản Văn H** - Sinh năm: 1980; Dân tộc: Dao ; Nghề nghiệp: Cán bộ.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang (Có mặt)

- Bị đơn: chị **Lý Thị C**, sinh năm: 1978; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: làm ruộng.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang (Có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

- Ngân hàng chính xã hội huyện A tỉnh Hà Giang. Người được ủy quyền là: Bà **Trịnh Thu H1** - chức vụ Phó Giám đốc theo giấy ủy quyền ngày 30/5/2019 (Vắng mặt)

- Phòng Giao dịch Bắc A, Chi nhánh NHNN & PTNT huyện A, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2019, cùng các tài liệu, chứng cứ và quá trình xét xử, nguyên đơn anh **Phản Văn H** trình bày: Anh và chị **Lý Thị C** về chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong thời gian chung sống ban đầu vợ chồng sống hòa

thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân lý do là anh H đi học xa nhà, chị C dẫn người khác về nhà ngủ được mẹ anh H phát hiện, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay, không còn quan tâm chăm lo cho nhau. Hiện nay, anh H xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc anh đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung
1/ cháu Phan Đức T (sinh ngày 20-10-1998)

2/ cháu Phan Đức H2 (sinh ngày 04-10-2001) anh và chị C đã thỏa thuận chia giao trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con cái không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh có vay Ngân hàng nông nghiệp huyện A số tiền là: 200.000.000đồng, vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện A số tiền là: 62.000.000đ, đã trả được 20.000.000đ, hiện nay còn nợ 42.000.000đ chưa kể lãi vay. Trước khi anh có đơn xin ly hôn anh và chị C đã thỏa thuận việc chia giao tài sản và công nợ chung, tại biên bản thỏa thuận ghi ngày 13-4-2019 anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên Tòa hôm nay anh H không thay đổi, nội dung yêu cầu khởi kiện, anh cam kết trả các khoản nợ đã vay theo các hợp đồng vay đúng hạn.

Theo đơn phản tố ghi ngày 22-4-2019 và biên bản ghi lời khai ngày 07-5-2019 và trong quá trình xét xử chị Lý Thị C trình bày: Chị và anh Phan Văn H chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong thời gian chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có tư tưởng sống không chung thủy vợ chồng, có quan hệ với người khác khi về nhà thì gây sự chửi bới vợ con, không quan tâm đến gia đình. Khi chị C góp ý thì anh có lời lẽ đe dọa đốt nhà....vv từ tháng 3/2019, vợ chồng sống ly thân không quan tâm vợ con và mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay anh H xin ly hôn chị không nhất trí ly hôn, chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau chăm lo xây dựng gia đình cho con cái.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung
1/ cháu Phan Đức T (sinh ngày 20/10/1998)

2/ cháu Phan Đức H2 (sinh ngày 04/10/2001). Nếu anh H cương quyết ly hôn về con chị nhất trí theo biên bản chia giao nuôi con và chia tài sản mà anh H đã lập ngày 13/4/2019 chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chị C cũng nhất trí theo biên bản chia ngày 13/4/2019 chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị C nhất trí ly hôn theo nguyện vọng anh H.

- Về con, tài sản chung chị chấp nhận theo biên bản chia giao ngày 13/4/2019 giữa chị và anh H, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Công nợ chung chị nhất trí theo biên bản thỏa thuận việc chia giao công nợ và chị nhất trí có trách nhiệm trả nợ các khoản tiền vay theo các hợp đồng tín dụng của cơ quan ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

- Ngân hàng chính xã hội huyện A tỉnh Hà Giang. Người được ủy quyền Bà Trịnh Thu H1, chức vụ: Phó giám đốc - phòng giao dịch Ngân hàng chính xã hội huyện A, tỉnh Hà Giang khai tại hồ sơ, xác nhận từ ngày 21/8/2015 đến tháng 4 năm 2019, ngân hàng chính sách xã hội huyện vi xuyên đã cho gia đình chị Lý Thị C anh Phan Văn H vay với tổng số tiền là 62.000.000đ anh H, chị C đã trả được số tiền vay là 20.000.000đ, hiện còn nợ là 42.000.000đ đại diện Ngân hàng đề nghị chị C phải có trách nhiệm trả nợ vay theo thỏa thuận trong hợp đồng vay.

- Phòng Giao dịch Bắc A Chi nhánh NHNN & PTNT huyện A, tỉnh Hà Giang xác nhận dư nợ đứng tên chị Lý Thị C (vợ anh H) trong hợp đồng tín dụng vay vốn có mã số khách hàng: 8206 số HĐTD8206 -LAV- 2017, ngày 04 tháng 7 năm 2017, tính đến ngày 31/5/2019 có số dư nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và hội đồng xét xử:
Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định từ cách pháp lý những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 69, 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để nghiên cứu Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;

Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

. Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị C không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh Phan Văn H và chị Lý Thị C là vợ chồng.

- Về con chung: Do các bên đương sự đã thỏa thuận việc chia giao nuôi con chung không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Các bên đương sự đã thỏa thuận việc chia giao tài sản, công nợ chung không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Anh Phan văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Phan Văn H về việc xin ly hôn với chị Lý Thị C được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành hòa giải về phần nuôi con chung, án phí; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** anh Phan Văn H và chị Lý Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống giữa anh chị trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có sự hoà thuận hạnh phúc nên đã có con chung và tài sản chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng từ năm 2018 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng nghi ngờ ngoại tình sống không chung thủy, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và sống ly thân mỗi người tự lo cho bản thân mình, không quan tâm chăm lo cho việc gia đình, sự mâu thuẫn của vợ chồng đến nay là trầm trọng không còn khả năng khắc phục được có khắc phục cũng không có hạnh phúc nên anh H đã có yêu cầu được ly hôn để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Văn H và chị Lý Thị C không tuân thủ theo quy định của pháp luật hôn nhân không đăng ký kết hôn, mặc dù anh và chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận anh Phan Văn H và chị Lý Thị C là vợ chồng.

[3]. **Về con chung:** Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung
- Cháu Phan Đức T (sinh ngày 20/10/1998)
- Cháu Phan Đức H2 (sinh ngày 04/10/2001) cháu T đã đến tuổi trưởng thành không đề cập giải quyết. còn cháu H2 sắp đến tuổi trưởng thành 18 tuổi, trước khi anh chị xin ly hôn anh H và chị C đã thỏa thuận việc chia giao nuôi cháu H2 cho anh H được nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. các bên không tranh chấp việc giao nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án xét thấy sự thỏa thuận việc giao nuôi con trước và trong khi ly hôn của anh H và chị C là tự nguyện không bị ép buộc, phù hợp phong tục tập quán và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không có yêu cầu nên không xem xét .

- **Về tài sản, công nợ chung:** Anh H và chị C đã thỏa thuận việc chia giao tài sản, công nợ chung không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách Xã hội huyện A, tỉnh Hà Giang do chị Lý Thị C đứng tên vay trong quá trình giải quyết vụ án chị C và anh H và đại diện ngân hàng thống nhất về khoản nợ và cam kết trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

+ Đối với khoản nợ của NHNN & PTNT - Phòng Giao dịch Bắc A huyện A, tỉnh Hà Giang. Không cử người tham gia tố tụng nhưng có xác định khoản nợ đối với gia đình anh H và chị C, trước khi ly hôn anh H và chị C đã thỏa thuận và phân định việc trả nợ vay, giữa anh H chị C và cơ quan nhân hàng không tranh chấp về khoản tiền vay và việc trả nợ, anh H và chị C cam kết việc trả nợ vay theo hợp đồng đã ký kết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14 và Điều 53; khoản 1 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điểm a khoản 1 Điều 24 và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Phan Văn H và chị Lý Thị C, là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Giao cháu Phan Đức H2 (sinh ngày 04/10/2001) cho anh Phan Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 29 / 7/2019 đến khi cháu đủ 18 tuổi. chị Lý Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Phan Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng,

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02311 ngày 16 tháng 4 năm 2019.(Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm)

4. *Quyền kháng cáo:* anh Phàn Văn H và chị Lý Thị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền chống án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

NHNN & PTNT - Phòng Giao dịch Bắc A huyện A, tỉnh Hà Giang và Ngân hàng chính sách xã Hội Huyện A, tỉnh Hà Giang có quyền chống án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm iết bản án .

5. *Điều kiện thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đán Văn Đ

Bản án gốc đã được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên./.

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Thúy

Trần Thị Lâm

Đán Văn Đường

Nơi nhận:

- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đán Văn Đường

**CAC THÀNH VIÊN
HĐXX**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỎA
PHIÊN TỎA**

Vương Thị Liên

PH2 Ngọc Tuấn

Đán Văn Đường

Nơi nhận:

- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đán Văn Đường

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Chiến

Trần Thị Hoài

Đán Văn Đường

Nơi nhận:

- *VKSND huyện A;*
- *TAND tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Đàm